TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS- ST.
Ngày: 24 - 7 - 2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và bà Hoàng Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978 – *Có mặt*.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Đ – *Vắng mặt.*

Bà Phạm Thị H – *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 - 02 - 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2017 vợ chồng ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị H mua phân bón nhiều lần, mượn tiền và chốt cà phê tại Đại lý Đ - Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do bà làm chủ. Trong quá trình mua bán ông Đ, bà H có trả tiền tuy nhiên trả chưa hết. Ngày 09 tháng 02 năm 2018 hai bên đối chiếu công nợ, theo đó ông Đ, bà H còn nợ bà số tiền là 153.500.000 đồng, hẹn trả vào ngày 09 tháng 4 năm 2018. Đến hạn, dù đòi nhiều lần nhưng ông Đ, bà H không trả. Vì vậy, bà khởi kiện

yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà H trả 153.500.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị H trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2017 vợ chồng ông bà có mua phân bón tại Đại lý bán phân bón và thu mua nông sản Đ do bà Nguyễn Thị N là chủ hộ kinh doanh. Toàn bộ số nợ phân bón bà N ghi trong sổ nợ. Vợ chồng ông bà không nhớ chính xác số lượng phân bón đã mua cũng như số tiền, tuy nhiên vợ chồng ông bà đã trả được 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng. Ngày 09 tháng 02 năm 2018 hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó ông bà còn nợ bà N số tiền là 153.500.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, giá cà phê thấp chưa có tiền trả nợ. Vì vậy đề nghị được trả mỗi năm 30.000.000 đồng vào ngày 15-11 cho đến khi trả hết.

Tại phiên tòa: các đương sự không thỏa thuận được về thời gian trả nợ, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình và không ai có yêu cầu gì thêm.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, buộc ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị H trả 153.500.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị H trả 153.500.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Ông Đ, bà H là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đình Đ đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà H vợ ông Đ có mặt tại phiên tòa thừa nhận ông bà đã nhận được Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 09-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp và ông Đ đã biết thời gian xét xử vụ án. Mặc dù quá trình giải quyết bà H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, tuy nhiên do ông Đ bận công

việc nên bà có mặt tại phiên tòa để tham gia tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Đ.

Chồng bà Nguyễn Thị N là ông Võ Anh T khai không biết việc vay mượn giữa hai bên cũng như không có liên quan gì. Vì vậy Tòa án không đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của của bà Nguyễn Thị N buộc ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị H phải trả 153.500.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nợ gốc: Ngày 09 tháng 02 năm 2018 ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị H ký giấy vay bà Nguyễn Thị N 153.500.000 đồng; hẹn trả vào ngày 09-4-2018. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên thừa nhận số nợ này có nguồn gốc từ mua phân bón, chốt cà phê non, vay tiền mặt nhưng không ai còn lưu giữ giấy tờ chi tiết cho từng khoản mà chỉ đối chiếu và thỏa thuận chốt, chuyển thành tiền vay. Chữ ký trong giấy vay tiền là của ông Đ, bà H. Đến hạn ông Đ, bà H không trả nợ cho bà N theo thỏa thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N đối với nợ gốc là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Giấy chốt nợ 153.500.000 đồng ngày 09-02-2018 không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, vì ông Đ, bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do các đương sự không thỏa thuận được nên lãi suất áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể tiền lãi phải trả được tính như sau:

153.500.000 x 10%/12 x 15,5 = 19.825.000 đồng.

Trong đó:

- Lãi suất là 10%/năm.

- Thời gian chậm trả là 15 tháng 15 ngày (Tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 09-4-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm).

Như vậy, ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N 173.325.000 đồng, trong đó nợ gốc là 153.500.000 đồng, lãi suất là 19.825.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Ngãi được chấp nhận nên ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị H.

Buộc ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị N 173.325.000đ *(Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*, trong đó 153.500.000đ *(Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng)* nợ gốc và 19.825.000đ *(Mười chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị H phải nộp 8.666.000đ *(Tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 3.837.500đ *(Ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000378 ngày 03 - 5 - 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk R'Lấp;
- THADS huyện Đ;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thu Hà